TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **279**/2022/QĐST- HNGĐ	*Châu Thành, ngày 17 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 481/2022/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 3, xã An P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết L cùng trình bày:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết L tự tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, cả hai kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/6/1999 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C. Sau khi kết hôn trong quá trình sống chung có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẩn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn làm cho hai bên xung đột, mâu thuẩn, không còn tình cảm với nhau và hiện anh T và chị L đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân anh T và chị L cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh T và chị L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và cả hai không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Phút An K, sinh ngày 13/05/1999 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/6/2006. Cháu K đã trưởng thành nên anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đ hiện đang sống chung với chị L, hai bên thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết L thuận tình ly hôn, ghi nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/6/2006, hiện đang sống chung với chị Nguyễn Thị Tuyết L cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 13/05/1999 đã trưởng thành nên anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0010553 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu (02b);
- VKSND huyện C (01b);
- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- Chi cục THADS huyện C (01b);
- UBND xã An Phước, huyện C
, tỉnh Bến Tre (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b).

THẨM PHÁN

Đào Chí Cường